

Số: /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 26/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung khu Khí - Điện - Đạm tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2.000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4869/BCTĐ-SXD ngày 08/9/2025 (kèm theo Tờ trình số 51/TTr-BQL ngày 22/8/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế) và báo cáo tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 01651/VP-NNXD ngày 30/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

Cụ thể hóa chủ trương đầu tư phát triển các khu công nghiệp tập trung của tỉnh Cà Mau, trong đó có Khu công nghiệp Tắc Thủ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau trong giai đoạn phát triển hiện nay:

- Xác định quy mô và cơ cấu ngành nghề phù hợp xây dựng trong khu công nghiệp.
- Bố trí quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng phù hợp, đảm bảo gắn kết thuận tiện giữa khu vực công nghiệp, các trục giao thông quốc gia, quốc tế và dân cư, cụm dịch vụ thương mại.
- Với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp đã được đầu tư, sẽ tạo một môi trường thuận lợi để khuyến khích và thu hút đầu tư trong và ngoài nước, chủ động bố trí các nhà máy theo quy hoạch phát triển và bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm, tăng thu ngân sách góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh Cà Mau.
- Làm căn cứ pháp lý để lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, xây dựng và kinh doanh các hạng mục công trình phù hợp với thực tế phát triển và là cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Vị trí, ranh giới và diện tích lập quy hoạch

- Vị trí: Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, phạm vi ranh giới như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Khu công nghiệp Khánh An.
 - + Phía Nam giáp: Khu đô thị mới Khánh An.
 - + Phía Đông giáp: Sông Ông Đốc.
 - + Phía Tây giáp: Đường Võ Văn Kiệt.
- Diện tích: 345ha.

4. Tính chất

- Là khu công nghiệp xanh, thông minh, tập trung đa ngành nghề, bao gồm các ngành công nghiệp từ những thế mạnh về tiềm năng của tỉnh Cà Mau và các ngành công nghiệp có sử dụng năng lượng từ khí tự nhiên như công nghiệp chế biến nông sản; công nghiệp chế biến hải sản; công nghiệp chế biến thức ăn gia súc và phân bón; công nghiệp cơ khí; công nghiệp điện tử, dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng; công nghiệp chế biến các sản phẩm từ lâm nghiệp; công nghiệp vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến khí. Tiếp cận các xu thế hiện đại bao gồm giảm phát thải, tiến đến trung hòa carbon; phát triển cộng sinh, tuần hoàn và giảm thiểu tiêu thụ năng lượng.

- Ưu tiên ngành nghề công nghệ cao, chuyên sâu như công nghiệp năng lượng - năng lượng mới (hydro, amoniac xanh...), điện tử - công nghệ số, chế tạo - tự động hóa, vật liệu mới và nano, công nghiệp sinh học...

- Kết nối đồng bộ với hạ tầng Khu công nghiệp Khánh An, hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa Sông Ông Đốc.

- Phát triển theo mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển đô thị Khánh An và một số loại hình công nghiệp khác.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

5.1. Dự báo số lượng công nhân: Khoảng 20.000 người.

5.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất

Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, các chỉ tiêu như sau:

Bảng chỉ tiêu sử dụng đất

TT	Loại đất	Chỉ tiêu(%)
1	Đất xây dựng nhà máy	≤ 78
2	Đất công trình HTKT đầu mối	≥ 1
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	≥ 1
4	Đất cây xanh	≥ 10
5	Đất giao thông	≥ 10
	Tổng cộng	100

5.3. Các chỉ tiêu về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

Bảng chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức tối thiểu
1	Cấp nước		
	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày.đêm	100
	Công trình công cộng, dịch vụ	lít/m ² sàn/ngày.đêm	10
	Khu sản xuất công nghiệp	m ³ /ha/ngày.đêm	20
	Nước tưới cây, rửa đường	lít/m ² sàn/ngày.đêm	3,4
	Nước dự phòng, rò rỉ	% tổng công suất	15
2	Thoát nước thải	% cấp nước	80
3	Thu gom rác thải	tấn/ha	0,30
4	Cấp điện		
	Cấp điện sản xuất	kW/ha	200
	Cấp điện công trình công cộng	W/m ² sàn	30
	Chiếu sáng đường	W/m ²	1
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,50

6. Quy hoạch sử dụng đất

Các khu chức năng chính trong khu công nghiệp gồm: Khu dịch vụ; khu nhà máy sản xuất công nghiệp, kho bãi; khu cây xanh sử dụng công cộng; khu kỹ thuật;

giao thông nội bộ và bãi đỗ xe... Các khu chức năng được bố trí phù hợp với quy hoạch theo định hướng của khu công nghiệp, thuận lợi kết nối và sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)
	TỔNG		345	100,00		
I	Đất cây xanh, mặt nước		39,38	11,41		
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	2,79	0,81	5	5
2	Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly)	CXCL	30,71	8,90		
3	Mặt nước	MN	5,88	1,70		
II	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (Đất xây dựng nhà máy, kho bãi)	CN	231,03	66,97		Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD
III	Đất dịch vụ	DV	12,04	3,49		
IV	Đất an ninh	AN	2,51	0,73	40	20
V	Đất giao thông		46,60	13,51		
1	Giao thông đối ngoại (đường cao tốc)		4,11	1,19		
2	Giao thông nội bộ khu công nghiệp		42,49	12,32		
VI	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	13,44	3,90		
1	Trạm cấp nước	HT - 01	1,61	0,47	40	5
2	Trạm xử lý nước thải	HT - 02	2,95	0,86	40	5
3	Bến thủy, kho bãi	KB	8,88	2,57	70	10

Ghi chú: Hệ số sử dụng đất được tính chi tiết theo diện tích sàn của công trình nhà máy theo thực tế xây dựng (Nhà máy có trên 5 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng là 60%; đối với lô đất có các công trình có chiều cao >46m phải đảm bảo hệ số sử dụng đất không vượt quá 13 lần).

7. Quy định về các chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng chức năng

7.1. Đất cây xanh mặt nước

- Đất cây xanh sử dụng công cộng, bố trí cây xanh, hồ nước, quảng trường, đường dạo, sân chơi và các công trình kiến trúc hạn chế tường bao như: Kiosk dịch vụ, chòi nghỉ, tiểu cảnh, đài phun nước, kiến trúc nhỏ và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho nhu cầu của chuyên gia, công nhân viên trong khu công nghiệp.

- Khu cây xanh cách ly bao quanh khu công nghiệp, trạm xử lý nước thải, hành lang đường điện, khu vực bãi đỗ xe với chiều rộng dải cây xanh cách ly $\geq 10\text{m}$. Bố trí dải cây xanh mặt nước kết hợp với tuyến đường giao thông hình thành trục cảnh quan chính trong khu công nghiệp.

7.2. Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (đất xây dựng nhà máy, kho bãi)

- Khu vực sản xuất công nghiệp, kho bãi: Bố trí tại các lô đất từ CN-01 đến CN-10 xây dựng các công trình nhà máy, kho tàng (bao gồm cả các công trình hành chính, dịch vụ của từng nhà máy) tiếp giáp với các trục đường nội bộ trong khu công nghiệp; mật độ xây dựng thuần tối đa không vượt quá 70%, trong trường hợp nhà máy xây dựng lớn hơn 5 sàn sử dụng thì mật độ xây dựng thuần trong một tổ hợp nhà máy không vượt quá 60%, chiều cao công trình áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD cho từng loại hình nhà máy công nghiệp theo quy định hiện hành.

- Theo dự kiến các ngành sản xuất đầu tư vào khu công nghiệp các lô đất nhà máy, kho tàng được bố trí diện tích tối thiểu 6 - 10ha. Ngoài ra, dành một phần diện tích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô tối thiểu khoảng 5ha. Có thể hợp nhiều lô liền kề để có các diện tích lô đất lớn dành cho các tập đoàn, công ty lớn có nhu cầu. Việc phân lô đất linh hoạt như vậy có thể đáp ứng các nhu cầu diện tích khác nhau.

7.3. Đất khu dịch vụ

- Khu dịch vụ khu công nghiệp (ký hiệu DV-01): Bố trí các công trình tiện ích công cộng cho công nhân và các công trình quản lý, điều hành khu công nghiệp: Các tiện ích công cộng cho công nhân, chuyên gia trong khu công nghiệp: Công trình văn hóa, mầm non, thể thao, cây xanh công cộng và các chức năng sử dụng công cộng khác. Các công trình quản lý, điều hành khu công nghiệp: Trụ sở làm việc của bộ phận quản lý và ban điều hành khu công nghiệp, thuế, hải quan, ngân hàng, bưu điện, các dịch vụ như trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm và các công trình phụ trợ trong quản lý, vận hành khu công nghiệp. Kiến trúc hiện đại tạo không gian kiến trúc, cảnh quan trên các tuyến đường đô thị, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao tối đa 20m trên mặt đất, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; hầm, hào theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định.

- Khu lưu trú, tạm trú cho công nhân, chuyên gia (ký hiệu DV-02): Có kiến trúc hiện đại tạo không gian kiến trúc, cảnh quan trên các tuyến đường đô thị, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao tối đa 20m trên mặt đất, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; hầm, hào theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định.

7.4. Đất trụ sở công an

Trụ sở công an (ký hiệu AN): Bố trí trụ sở làm việc của lực lượng công an, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho toàn bộ khu vực. Mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao tối đa 20m trên mặt đất, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; hầm, hào theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định.

7.5. Đất giao thông

Đất giao thông gồm hệ thống đường giao thông đối ngoại (đường cao tốc) diện tích 4,11ha. Trong đó: Diện tích phần đường giao thông là 1,52ha, phần còn

lại là phần hành lang an toàn đường bộ. Hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp có tổng diện tích là 42,49ha.

7.6. Đất công trình hạ tầng kỹ thuật

- Các khu kỹ thuật (ký hiệu HT- 01 và HT - 02): Bố trí trạm xử lý nước thải, trạm cấp nước, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao tối đa 5m trên mặt đất, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; quy mô diện tích các công trình được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

- Bến thủy, kho bãi (ký hiệu KB): Mật độ xây dựng tối đa 70%, chiều cao tối đa 10m; chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; các công trình xây dựng chính bao gồm: Nhà điều hành, hệ thống kho chứa và các công trình phụ trợ khác (sẽ được cụ thể hóa trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư).

Bảng thống kê chỉ tiêu các lô đất quy hoạch

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)
	TỔNG		345	100,00		
I	Đất cây xanh, mặt nước		39,38	11,41		
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	2,79	0,81	5	5
2	Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly)	CXCL	30,71	8,90		
		CXCL - 01	7,37			
		CXCL - 02	6,60			
		CXCL - 03	8,86			
		CXCL - 04	6,45			
		CXCL - 05	1,05			
		CXCL - 06	0,38			
3	Mặt nước	MN	5,88	1,70		
		MN - 01	1,32			
		MN - 02	2,68			
		MN - 03	1,88			
II	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (Đất xây dựng nhà máy, kho bãi)	CN	231,03	66,97		
		CN - 01	50,26			Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD
		CN - 02	27,46			
		CN - 03	44,72			
		CN - 04	21,65			
		CN - 05	28,15			
		CN - 06	17,83			
		CN - 07	17,29			

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)
		CN - 08	8,92			
		CN - 09	9,78			
		CN - 10	4,97			
III	Đất dịch vụ	DV	12,04	3,49		
		DV-01	5,90		40	20
		DV-02	6,14		40	20
IV	Đất an ninh	AN	2,51	0,73	40	20
V	Đất giao thông		46,60	13,51		
1	Giao thông đối ngoại (đường cao tốc)		4,11	1,19		
2	Giao thông nội bộ khu công nghiệp		42,49	12,32		
VI	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	13,44	3,90		
1	Trạm cấp nước	HT - 01	1,61	0,47	40	5
2	Trạm xử lý nước thải	HT - 02	2,95	0,86	40	5
3	Bến thủy, kho bãi	KB	8,88	2,57	70	10
Ghi chú: <i>Ghi chú: Hệ số sử dụng đất được tính chi tiết theo diện tích sàn của công trình nhà máy theo thực tế xây dựng (Nhà máy có trên 5 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng là 60%; đối với lô đất có các công trình có chiều cao >46m phải đảm bảo hệ số sử dụng đất không vượt quá 13 lần).</i>						

8. Quy hoạch không gian kiến trúc

8.1. Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi

- Chỉ tiêu sử dụng đất tại các lô đất công nghiệp (nhà máy, kho bãi):
- + Mật độ xây dựng thuần tối đa không vượt quá 70%.
- + Chiều cao công trình áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD cho từng loại hình nhà máy công nghiệp theo quy định hiện hành.
- + Đối với các lô đất xây dựng nhà máy xây lớn hơn 5 sàn sử dụng thì mật độ xây dựng thuần trong một tổ hợp nhà máy không vượt quá 60%.
- + Khi triển khai các dự án trong khu đất công nghiệp, tùy theo số sàn sử dụng để xác định mật độ xây dựng thuần lô đất theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- Diện tích cây xanh trong khuôn viên sản xuất, kho bãi theo quy chuẩn.
- Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.
- Hầm, hào theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định.
- Bố trí các tuyến đường phòng cháy trong khuôn viên theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Tường rào các nhà máy trên cùng tuyến đường cần thống nhất về khoảng lùi. Khuyến khích bố trí hài hòa về kiểu dáng, màu sắc trên cùng tuyến đường.

- Khuyến khích sử dụng màu sắc sáng cho các công trình nhà máy.

8.2. Khu dịch vụ

- Hình thức kiến trúc hiện đại, hài hòa với cảnh quan xung quanh.

- Chỉ tiêu sử dụng đất:

- + Khu DV-01: Mật độ xây dựng thuần tối đa 40%; chiều cao tối đa 20m trên mặt đất.

- + Khu DV-02: Mật độ xây dựng thuần tối đa 40%; chiều cao tối đa 20m trên mặt đất.

- Diện tích cây xanh trong khuôn viên đảm bảo theo quy chuẩn Việt Nam.

- Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

- Hầm, hào theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định.

8.3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng trong khu đất riêng, bố trí đầy đủ cây xanh cách ly theo quy định.

- Mật độ xây dựng tối đa: 40%.

- Chiều cao tối đa 5m trên mặt đất.

- Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 3m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông; quy mô diện tích các công trình được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

- Đất bến thủy, kho bãi:

- + Mật độ xây dựng tối đa: 70%.

- + Chiều cao tối đa 10m trên mặt đất.

8.4. Cây xanh, mặt nước

- Khu cây xanh (cây xanh sử dụng công cộng): Mật độ xây dựng tối đa 5%, chiều cao tối đa 5m.

- Bố trí cây xanh xung quanh dự án với khoảng cách tối thiểu 10m đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Bố trí dọc kênh nước tạo cảnh quan xanh trong khu công nghiệp.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

9.1. Quy hoạch giao thông

9.1.1. Giao thông đối ngoại

- Cao tốc Cà Mau - Đất Mũi: Đoạn qua khu công nghiệp giáp ranh giới phía Đông Nam, với tổng chiều dài khoảng 0,7km.

- Tuyến đường D6 và D6 nối dài: Đi qua khu vực quy hoạch tuyến kết nối với Khu công nghiệp Khánh An hiện hữu ở phía Bắc và Khu đô thị mới Khánh An. Mặt cắt ngang được đồng bộ, khớp nối với các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt có lộ giới 38,5m.

- Tuyến đường tỉnh ĐT.984B: Tuyến đi qua ranh giới phía Tây Khu công nghiệp Tắc Thủ với chiều dài khoảng 1,87km có lộ giới 40m.

9.1.2. Giao thông trong khu công nghiệp

Bảng thống kê hệ thống giao thông

TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Mặt Cắt	Chiều rộng (m)				Khoảng lùi (m)	
				Lộ giới	Mặt đường	Vĩa hè	Dải PC	Bên phải	Bên trái
I	Đường đối ngoại								
1	Đường Cao tốc	700	A-A	20			-	-	-
2	Đường ĐT.984B	1870	B-B	40			-	-	-
II	Đường khu công nghiệp								
1	Đường vào khu công nghiệp	122	1A-1A	52	2x11,25	2x8	6	-	-
2	Đường N11	2748	1-1	43	2x11,25	2x8	4,5	6	3-6
3	Đường D5	1531	2-2	38,5	2x11,25	2x6	4	6	6
4	Đường D6, đường D6 nối dài	832	2-2	38,5	2x11,25	2x6	4	-	6
5	Đường N9	710	3-3	30	2x9	2x6	2	-	6
6	Đường N10	909	3-3	30	2x9	2x6	2	-	6
7	Đường N12	665	3-3	30	2x9	2x6	-	6	-
8	Đường N13	466	3-3	30	2x9	2x6	2	-	6
9	Đường D4	830	4-4	24	12	2x6	-	6	3-6
10	Đường D12	889	3-3	30	2x9	2x6	2	3-6	6
11	Đường D13	2883	3-3	30	2x9	2x6	2	6	-

9.2. Quy hoạch san nền - thoát nước mặt

a) Quy hoạch san nền

Lựa chọn cốt cao độ khống chế san nền cho Khu công nghiệp Tắc Thủ: $H_{xd} \geq 2,3m$, đảm bảo theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

b) Thoát nước mặt

- Toàn bộ khu vực lập quy hoạch chia làm 02 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Lưu vực phía Tây khu vực lập quy hoạch, diện tích lưu vực khoảng 176,7ha, hướng thoát nước chính thoát về kênh xung quanh khu công nghiệp rồi thoát ra sông Ông Đốc.

+ Lưu vực 2: Lưu vực phía Đông khu vực lập quy hoạch, diện tích lưu vực khoảng 168,38ha, hướng thoát nước chính thoát về kênh cấp lộ đường D6 rồi thoát ra sông Ông Đốc qua rạch Nhum.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với thoát nước thải.
- Nguồn tiếp nhận thoát nước: Sông Ông Đốc và các kênh rạch hiện hữu.
- Tính toán thủy lực thoát nước lựa chọn đường kính cống thoát nước theo phương pháp cường độ mưa giới hạn.

9.3. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước toàn khu khoảng 11.820,4m³/ngày đêm.
- Tại Khu công nghiệp Khánh An có Nhà máy cấp nước Khánh An, quy mô công suất quy hoạch 20.000m³/ngày đêm. Tuy nhiên, công suất thực tế giai đoạn 1 của Nhà máy hiện tại là 5.760m³/ngày đêm (gồm 6 giếng khoan), công suất đang vận hành trung bình hiện tại khoảng 3.000m³/ngày đêm.

Do đó giai đoạn khi Khu công nghiệp Tắc Thủ hình thành, nhà máy nước Khánh An không đáp ứng được nhu cầu dùng nước; trong ranh giới khu công nghiệp đề xuất xây dựng 01 trạm cấp nước sạch khu vực ranh giới phía Tây Nam dự án với công suất dự kiến khoảng 13.000m³/ngày đêm giai đoạn đầu, nguồn nước thô dự kiến từ hồ nước ngọt xã Khánh An, dung tích 3,7 triệu m³. Giai đoạn sau khi nhà máy nước Khánh An nâng công suất lên 20.000m³/ngày đêm tùy vào nhu cầu dùng nước hiện trạng của khu vực để nâng cấp cải tạo thành trạm bơm tăng áp; giữ nguyên hoặc giảm công suất để phù hợp với nhu cầu dùng nước tại thời điểm đó.

- Mạng lưới cấp nước:
 - + Mạng lưới thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Đường kính ống cấp nước phân phối có đường kính khoảng từ D160 - D400mm.
 - + Mạng lưới cấp nước cứu hỏa kết hợp với cấp nước sinh hoạt, đảm bảo cấp nước cho giờ dùng nước lớn nhất và giờ dùng nước lớn nhất có cháy.
 - + Các họng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống có đường kính từ 100mm trở lên.
 - + Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không lớn hơn 150m.

9.4. Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

- Thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.
- Trang bị xe chữa cháy cho đội Phòng cháy chữa cháy chuyên ngành.
- Trang bị phương tiện chữa cháy khác theo quy định.
- Hệ thống cấp nước phục vụ cho phòng cháy chữa cháy:
 - + Nguồn nước phục vụ chữa cháy dự kiến được lấy từ trạm cấp nước trong Khu công nghiệp.

+ Mạng lưới đường ống cấp nước là mạng lưới kết hợp gồm cấp nước sinh hoạt, sản xuất kết hợp với cấp nước chữa cháy.

+ Mạng lưới thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Đường kính ống cấp nước phân phối có đường kính khoảng từ D160 - D400mm. Là mạng lưới cấp nước áp lực thấp với áp suất tự do trong mạng đường ống kết hợp khi có cháy xảy ra không nhỏ hơn 10m cột nước.

+ Bố trí trụ nước chữa cháy: Trụ nước chữa cháy là trụ nổi. Trụ cần bố trí dọc đường xe chạy và cách nhau không vượt quá 150m. Đối với trụ nổi lắp đặt trên vỉa hè, cạnh đường giao thông phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa trụ nước và tường các ngôi nhà không dưới 5m và cách mép vỉa hè không quá 2,5m, họng lớn của trụ phải quay ra phía lòng đường, khoảng cách từ mặt đất đến đỉnh trụ nước là 700mm.

9.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện toàn khu khoảng 54,34MVA.

- Nguồn cấp điện cho khu vực nghiên cứu dự kiến lấy từ trạm biến áp 110/22kv Khánh An, công suất thiết kế 2x63MVA.

- Khu vực quy hoạch bố trí lưới điện 22 kV và lưới điện 0,4 kV. Dự kiến bố trí 03 trạm biến áp: Trạm TBA TT1 22/0,4kv đặt tại đất cây xanh giáp khu trạm xử lý nước thải với công suất khoảng 630Kva; trạm TBA TT2 22/0,4kv đặt tại khu vực đất cây xanh phục vụ cho khu vực dịch vụ 01 và đất an ninh với công suất dự kiến 4x1250Kva; trạm TBA TT3 22/0,4kv phục vụ cấp điện cho khu đất dịch vụ 02 và đất hạ tầng của trạm cấp nước trong khu công nghiệp với công suất khoảng 4x1500Kva.

9.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện chiếu sáng

- Đối với đường chính khu công nghiệp có mặt cắt 1-1, 2-2, thiết kế dãy đèn càn đơn với bóng đèn sử dụng là bóng led chiếu sáng song song hai bên đường. Các cột đèn được bố trí đối xứng nhau với khoảng cách bố trí trung bình 30-40m/đèn. Khu vực dải phân cách giữa bố trí đèn cảnh quan, khoảng cách từ 25-35m/đèn.

- Đối với đường nội bộ khu công nghiệp có mặt cắt 3-3, tại vị trí hè đường thiết kế dãy đèn càn đơn chiếu sáng hai bên đường, với bóng đèn sử dụng là bóng đèn led. Các cột đèn được bố trí với khoảng cách bố trí trung bình 25-40m/đèn.

- Tại vị trí nút giao để đảm bảo chiếu sáng cho khu vực thiết kế trên dải phân cách giữa và trên hè bố trí các cột đèn pha 3 bóng là loại đèn pha metal với công suất chiếu sáng đáp ứng được yêu cầu chiếu sáng đường giao thông.

9.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc khoảng 4.035 thuê bao.

- Nguồn cấp: Được lấy từ tín hiệu cáp thông tin, trạm vệ tinh gần nhất.

- Mạng di động: Bố trí các trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) nằm trên hè, dải cây xanh, các lô đất hạ tầng kỹ thuật (vị trí BTS là dự kiến và sẽ được

cụ thể hóa khi thực hiện từng dự án cụ thể) để đảm bảo chất lượng mạng di động trong dự án (đảm bảo bán kính phục vụ 500m/trạm).

9.8. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và thu gom chất thải rắn

a) Hệ thống thoát nước thải

- Lưu lượng thoát nước thải toàn khu khoảng 7.017,8m³/ngày đêm.
- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Khu vực khu công nghiệp: Quy hoạch mới trạm xử lý nước thải tập trung công suất 8.000m³/ngày đêm, khu vực giáp ranh giới phía Bắc khu công nghiệp tại ô đất HT-02, được chia thành các modul phù hợp với nhu cầu; mạng lưới thu gom nước thải gồm các tuyến ống có đường kính từ D300 ÷ D600.

b) Thu gom chất thải rắn

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh trong khu vực khoảng 53,28 tấn/ngày.
- Chất thải thông thường, chất thải nguy hại được phân loại riêng trong các nhà máy và thu gom định kỳ theo loại rác, tổ chức thu gom rác công cộng bằng các thùng đựng rác bán kính từ 200m ÷ 300m.
- Chất thải rắn trong khu vực được thu gom vận chuyển đến bãi rác tập trung của của vùng sau đó được đưa đến khu xử lý dự kiến xây mới tại xã Khánh An. Khuyến khích phát triển bãi xử lý chất thải rắn gắn với vườn ươm cây xanh tạo nên vành đai xanh bảo vệ môi trường.
- Việc phân loại và quản lý, thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 83, Điều 83 và Điều 85 Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.
- Đối với rác thải thông thường, rác thải nguy hại: Các nhà đầu tư thứ cấp thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

9.9. Tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật

- Thiết kế tuân theo quy chuẩn quy phạm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, thi công thuận tiện, tiết kiệm đất xây dựng cho các loại đường dây đường ống và dành dải đất dự trữ cho việc xây dựng các đường ống sau này.
- Việc đấu nối phải đảm bảo thuận tiện, an toàn và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
- Bố trí đường dây đường ống phải tuân theo khoảng cách tối thiểu về chiều ngang và chiều đứng giữa các hạng mục dựa trên bảng 2.30 QCVN 01:2021 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

10. Các đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

- Các yếu tố tác động về môi trường gồm: Môi trường nước, môi trường đất, môi trường không khí và tiếng ồn, chất thải rắn trong quá trình thi công dự án.

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường: Bảo vệ môi trường không khí, giao thông và tiếng ồn, đất, nước, cây xanh, nước ngầm, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; đánh giá và dự báo tác động tới môi trường khu vực; tổng hợp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm khi triển khai thực hiện quy hoạch:

+ Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Lựa chọn giải pháp kỹ thuật của quy trình sản xuất; giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí; khống chế ô nhiễm ồn, rung; giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước thải; giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải rắn; giảm thiểu sự cố môi trường.

+ Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường (giảm thiểu ô nhiễm không khí, chất thải rắn, nước thải).

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường. Thường xuyên vận động, tuyên truyền cho công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh, đảm bảo mỹ quan khu công nghiệp.

11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu

Được ban hành kèm theo đồ án là các quy định về nguyên tắc phát triển, việc quản lý, kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu công nghiệp... trong phạm vi đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2.000.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã Khánh An thực hiện:

1. Công bố, công khai các nội dung chính đồ án quy hoạch phân khu cho tổ chức, cá nhân có liên quan trong khu vực quy hoạch để biết và thực hiện; tổ chức cắm mốc quy hoạch ra thực địa theo quy định hiện hành.

2. Quản lý việc đầu tư xây dựng theo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Tắc Thủ, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2.000 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản: Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dịch vụ kỹ thuật Khu công nghiệp Khánh An, tỷ lệ 1/1.000; Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu

Cảng - Dịch vụ kỹ thuật Khu công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2.000 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Sở Xây dựng (02b);
- Ban QL Khu kinh tế (05b);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn 3/11/35)
- Lưu VT, KP277/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi